

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi kỳ kê khai 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã Tân An

Kính gửi:

- Chủ các trang trại trên địa bàn xã,
- Hộ chăn nuôi trên địa bàn xã.

Trên cơ sở nội dung Văn bản số 730/SoNNMT-PTNT ngày 17/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tiếp tục triển khai thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ.

Thực hiện chỉ đạo của UBND xã theo Văn bản số 185/UBND-KT ngày 18/7/2025 về việc tiếp tục triển khai thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ.

Phòng Kinh tế thông báo đến chủ các trang trại, hộ chăn nuôi trên địa bàn xã biết, thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi kỳ kê khai 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã Tân An.

1. Tổ chức thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi định kỳ hàng quý:

a. Đối tượng kê khai:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Chăn nuôi; Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi, cụ thể như sau:

- Chăn nuôi trang trại.
- Chăn nuôi nông hộ.

2. Quy định loại vật nuôi và số lượng nuôi lớn hơn hoặc bằng số lượng tối thiểu phải kê khai:

Căn cứ Phụ lục II (đính kèm tại Thông tư 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

STT	LOẠI VẬT NUÔI	ĐVT	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU
I.	GIA SÚC		
1	Trâu, nghé	Con	01
2	Bò, bê	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Dê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	05
8	Lợn nái	Con	01
9	Lợn đực giống	Con	01
II.	GIA CẦM		
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim Cút	Con	100
7	Bồ câu	Con	30
III.	ĐỘNG VẬT KHÁC ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI		
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim Yến	Nhà	01
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Đế	m2	05
9	Bọ cạp	m2	01
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu dầu lá sắn)	Ồ	50
11	Giun quế (trùn quế)	m2	05
12	Ruồi lính đen	m2	05

3. Thời gian kê khai:

Từ ngày 23 đến ngày 28 tháng 7 năm 2025.

4. Nội dung kê khai:

a) Các trang trại chăn nuôi:

Đề nghị thực hiện các quy định về kê khai đàn vật nuôi trên phần mềm **Te-Food** theo đúng quy định.

b) Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ:

Đề nghị thực hiện kê khai đàn vật nuôi hàng quý theo **Mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi** (đính kèm) gửi về UBND xã Tân An (thông qua Trưởng ấp hoặc nộp trực tiếp về Phòng Kinh tế xã).

5. Quy định về xử phạt đối với trường hợp không kê khai hoạt động chăn nuôi:

Các hành vi không thực hiện kê khai sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 25; Khoản 4, Điều 26 của Nghị định 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Cụ thể:

“Điều 25. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ

2. Hành vi vi phạm quy định về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;”

Điều 26. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn

4. Hành vi vi phạm về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

Trên đây là thông báo về việc thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi định kỳ đợt 1 năm 2025 trên địa bàn xã Tân An, thông báo đến chủ các trang trại, các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã biết, thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn liên hệ Phòng Kinh tế (thông qua bà Nguyễn Thị Hiếu – CC. Phụ trách – 0969.444.390) để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- Phòng Văn hóa – xã hội (tuyên truyền);
- Trưởng 13 ấp;
- Nhân viên thú y xã;
- Chủ các trang trại, Hộ chăn nuôi trên địa bàn xã;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Vân



MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi:

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:

Số điện thoại (nếu có):

Thời điểm kê khai:

Kê khai theo (định kỳ hoặc đột xuất, nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý):

STT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
I	Lợn								
1	Lợn dưới 28 ngày tuổi	Con							
2	Lợn thịt:	Con							
2.1	Lợn nội	Con							
2.2	Lợn ngoại	Con							
3	Lợn nái:	Con							
3.1	Lợn nội	Con							
3.2	Lợn ngoại	Con							
4	Lợn đực:	Con							
II	Gia cầm								
1	Gà:								
1.1	Gà nội	Con							
1.2	Gà công nghiệp:								
1.2.1	Gà hướng thịt	Con							
1.2.2	Gà hướng trứng	Con							
2	Vịt:								

2.1	Vịt hướng thịt:								
2.1.1	Vịt nội	Con							
2.1.2	Vịt ngoại	Con							
2.2	Vịt hướng trứng:	Con							
3	Ngan	Con							
4	Ngỗng	Con							
5	Đà điểu	Con							
6	Chim cú	Con							
7	Bò Câu	Con							
III Bò									
1	Bê dưới 6 tháng tuổi	Con							
2	Bò thịt:								
2.1	Bò nội	Con							
2.2	Bò ngoại, bò lai	Con							
3	Bò sữa	Con							
IV Trâu									
1	Nghé dưới 6 tháng tuổi	Con							
2	Trâu	Con							
V Gia súc khác									
1	Ngựa	Con							
2	Dê	Con							
3	Cừu	Con							
4	Thỏ	Con							
VI Động vật khác									
1	Hươu sao	Con							
2	Chim yến	Nhà							
3	Ong mật	Đàn							
4	Chó								
4.1	Chó có khối lượng đến 5 kg	Con							
4.2	Chó có khối lượng từ 5 kg đến dưới 20 kg	Con							
4.3	Chó có khối lượng từ 20 kg đến dưới 50 kg	Con							
4.4	Chó có khối lượng từ 50 kg trở lên	Con							
5	Mèo	Con							
6	Dông	Con							

7	Vịt trời	Con							
8	Dế	m ²							
9	Bò cạp	m ²							
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu đầu lá sắn)	Ồ							
11	Giun quế (trùn quế)	m ²							
12	Ruồi lính đen	m ²							

....., ngày tháng năm

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Kê khai 06 tháng đầu năm, từ ngày 25/6 đến ngày 30/6.
- Kê khai 6 tháng cuối năm, từ ngày 25/12 đến 31/12.
- Kê khai đột xuất trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhập về nuôi mới.
- ⁽¹⁾ Đối với chim yến, dế, bọ cạp, tằm, giun quế, ruồi lính đen số lượng vật nuôi xuất trong kỳ: (để trống).